

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Tổng Công ty);
Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 64/BB-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 06 năm 2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo số 57/BC-HĐQT ngày 26/05/2020 về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị (HĐQT).

Điều 2: Thông qua Báo cáo số 58/BC-BĐH ngày 26/05/2020 về kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Ban Điều hành, với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	TH 2019	TH2019/ KH2019
SỐ LIỆU HỢP NHẤT					
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	3.804,90	3.394,21	89,21%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	988,66	967,96	97,91%
3	Tổng doanh thu & TN khác	Tỷ đồng	7.723,00	7.908,48	102,40%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	475,29	477,09	100,38%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	380,23	380,14	99,98%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	44,50%	46,03%	103,45%
7	Cổ tức bằng tiền mặt	%	15%	15%	100,00%
8	Đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	691,910	330,002	47,69%
SỐ LIỆU CÔNG TY MẸ					

1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	3.361,81	3.191,74	94,94%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	966,89	950,87	98,34%
3	Tổng doanh thu & TN khác	Tỷ đồng	6.169,20	6.321,47	102,47%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	450,86	455,27	100,98%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	374,77	378,09	100,89%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	46,10%	47,83%	103,75%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2019	KH 2020	KH2020/ TH2019
SỐ LIỆU HỢP NHẤT					
1	Tổng doanh thu & TN khác	Tỷ đồng	7.908,48	19.232,00	243,18%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	477,09	619,56	129,86%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	380,14	495,65	130,38%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	46,03%	44,22%	96,07%
SỐ LIỆU CÔNG TY MẸ					
1	Tổng doanh thu & TN khác	Tỷ đồng	6.321,47	16.976,74	268,56%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	455,27	588,54	129,27%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	378,09	487,64	128,97%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	47,83%	45,06%	94,21%
5	Cổ tức bằng tiền mặt	%	15%	15%	100,00%

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty Mẹ đã kiểm toán năm 2019 theo tờ trình số 59/TTr-HĐQT ngày 26/05/2020.

Điều 4: Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
1	LNST chưa phân phối của năm trước (Điều chỉnh LN từ năm trước)	(81.125.154)	
2	LNST Công ty mẹ	378.091.118.662	

3	LNST để phân phối	378.009.993.508	
4	Trích quỹ		
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	52.932.756.613	14,0%LNST
-	Trích quỹ thưởng Ban Điều hành, BKS và thành viên HĐQT chuyên trách	1.200.000.000	0,3% LNST
5	Trả cổ tức	323.877.236.895	
	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	54,32%	
-	Cổ tức bằng tiền	89.428.812.000	
	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	15,0%	
-	Cổ tức bằng cổ phiếu	234.448.424.895	
	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	39,32%	
6	LNST trong năm còn lại		-
7	LNST lũy kế chưa phân phối		-

* Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Tổng Giám đốc có trách nhiệm phân bổ quỹ theo nhu cầu chi thực tế, đảm bảo chi đúng quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty.

* Đối với trích quỹ thưởng Ban Điều hành, Ban Kiểm soát (BKS) và thành viên HĐQT chuyên trách: Giao HĐQT và BKS quyết định mức chi dựa trên đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cá nhân.

* Để đảm bảo nguồn chi Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2020, căn cứ kết quả SXKD trên Báo cáo tài chính, hàng quý cho phép tạm trích quỹ KTPL từ LNST thực hiện với tỷ lệ 12%/LNST.

2. Tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của năm 2019:

✓ Phương án phát hành:

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành để trả cổ tức là 23.444.842 cổ phần (tương đương 39,32 % tổng số cổ phần hiện có là 59.619.208 cổ phần, nâng tổng số cổ phần của Tổng Công ty dự kiến sau khi phát hành lên 83.064.050 cổ phần).
- Tỷ lệ thực hiện: 1.000: 393 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thêm 393 cổ phần mới).
- Nguồn phát hành: Từ LNST chưa phân phối đến 31/12/2019 tại Công ty mẹ.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp, căn cứ vào tình hình thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phương thức: Cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận số lượng cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ thực hiện.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phần cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu phát sinh) sau khi thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ và được ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau.

- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2020 (sau khi được UBCK chấp thuận phương án phát hành).

✓ **Tổ chức thực hiện:**

Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định các vấn đề như sau và giao cho Tổng Giám đốc tiến hành:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019 và quyết định việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh.

- Thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội; Thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số lượng cổ phiếu phát hành thành công.

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty theo quy mô vốn điều lệ tăng thêm.

Điều 5: Thông qua Báo cáo số 25/BC-BKS ngày 26/05/2020 về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

Điều 6: Thông qua đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 tại văn bản số 26/BC-BKS ngày 26/05/2020, như sau:

Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định việc lựa chọn một công ty kiểm toán trong danh sách các công ty dưới đây theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn, để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Công ty.

Danh sách các công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam);
- Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam;

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 61/TTr-HĐQT ngày 26/05/2020 về thù lao, lương, chi phí hoạt động năm 2019 và dự kiến năm 2020 của HĐQT và BKS, như sau:

1. Quyết toán năm 2019:

a. Đối với thành viên và thư ký HĐQT: Tổng mức thù lao, lương cả năm 2019 là: 2.252.467.427 đồng, trong đó:

- Thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT: 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký HĐQT: 5.000.000/người/tháng.

- Lương của thành viên HĐQT và thư ký HĐQT chuyên trách (Bổ nhiệm tháng 10/2019 nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp): Thực hiện chi trả theo Quy chế trả lương cho CBNV của Tổng Công ty (Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 20/04/2019 – sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 41).

b. Đối với BKS: Tổng mức lương cả năm 2019 đối với 03 thành viên BKS chuyên trách: 1.246.708.632 đồng, thực hiện chi trả theo Quy chế trả lương cho CBNV của Tổng Công ty (Căn cứ Nghị quyết số 41).

c. Đối với chi phí hoạt động: Phê duyệt việc quyết toán chi phí công tác, chi phí giao dịch và các chi phí khác với số tiền là 179.881.850 đồng.

d. Đối với thưởng của thành viên HĐQT và BKS chuyên trách năm 2019:

Căn cứ tổng mức thù lao, lương, thưởng theo kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua theo Nghị quyết số 41.

Căn cứ tổng mức thù lao, lương năm 2019 quyết toán của HĐQT là 2.252.467.427 đồng và BKS là 1.246.708.632 đồng.

ĐHĐCĐ giao HĐQT và BKS quyết định mức thưởng và chi thưởng theo tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và trích lập các quỹ.

2. Dự kiến kế hoạch năm 2020: (Áp dụng từ 01/01/2020).

a. Đối với thành viên và thư ký HĐQT: Dự kiến tổng mức thù lao, lương là: 4.100.000.000 đồng, trong đó:

- Thù lao của 06 thành viên HĐQT không chuyên trách:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT không chuyên trách: 7.000.000 đồng/người/tháng.



- Lương của 01 thành viên, 01 Chánh Văn phòng và 01 thư ký HĐQT chuyên trách: Thực hiện chi trả theo Quy chế trả lương cho CBNV của Tổng Công ty.

b. Đối với 03 thành viên BKS chuyên trách: Dự kiến tổng mức lương: 1.800.000.000 đồng và thực hiện chi trả theo Quy chế trả lương cho CBNV của Tổng Công ty.

c. Đối với chi phí hoạt động:


Năm 2020, dự kiến chi phí hoạt động của HĐQT và BKS là 360.000.000 đồng (bao gồm chi phí công tác, chi phí giao dịch và các chi phí khác). Việc phân bổ chi phí thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS.

Điều 8: Thông qua:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014 – 2019 đối với ông Tào Đức Thắng và ông Lương Ngọc Hải.

2. Bổ nhiệm 02 cá nhân sau là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024:

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm tiến hành bầu cử
1	Ông Nguyễn Đình Chiến	47.309.164	102,35%
2	Ông Đinh Thanh Sơn	40.691.286	88,04%

Điều 9: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. HĐQT, BKS, Ban Điều hành của Tổng Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. / 

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.HĐQT, Thoa (02).
- Đăng website.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ PHẦN
CHỦ TỊCH ĐOÀN 

TÀO ĐỨC THẮNG 